

Số: 125/TB-UBND

Vạn Xuân, ngày 24 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Để thực hiện dự án Khu đô thị Nam Tiến 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số: 56/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/08/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ - UBND ngày 13/06/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu đô thị Nam Tiến 2.

Căn cứ Quyết định số 2718/QĐ - UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên chấp thuận nhà đầu tư dự án: Khu đô thị Nam Tiến 2.

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số: 3422/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Phổ Yên;

Căn cứ tiến độ thực hiện dự án Khu Đô thị Nam Tiến 2;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 293/TTTr - KTHT&ĐT ngày 21/10/2025 về việc đề nghị ban hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị Nam Tiến 2, địa bàn phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên

Ủy ban nhân dân phường Vạn Xuân thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của các chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:
(*Có phụ lục kèm theo*).

2. Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án Khu Đô thị Nam Tiến 2.

3. Diện tích, vị trí khu đất thu hồi:

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: 352.859,1m²

- Vị trí khu đất: Các thửa đất bị thu hồi thuộc bản đồ địa chính chính lý 4, 11, 16, 17, 18, 19 và 24 phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên (Theo bản đồ địa chính trích lục - chính lý phục vụ công tác bồi thường GPMB số 11; 16; 17; 18, 19 và 24).

- Loại đất: LUC, LUK, BHK, CLN, ODT, DNL, DGT, DTL, NTS

- Số hộ dự kiến bị ảnh hưởng: 379 hộ gia đình, tổ chức, cá nhân.

(*Có Phụ lục chi tiết kèm theo*)

4. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Thời gian bắt đầu từ ngày 21 tháng 10 năm 2025.

Đề nghị Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực III, tỉnh Thái Nguyên chủ trì, phối hợp với UBND phường Vạn Xuân thực hiện điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, thống kê, kiểm đếm và hoàn thiện các hồ sơ theo quy định của pháp luật.

5. Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện sau khi thực hiện xong công tác đo đạc, kiểm đếm. Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực III, tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm công khai, lấy ý kiến về phương án và tổ chức đối thoại, tiếp thu giải trình và hoàn chỉnh phương án theo quy định.

- Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được UBND phường phê duyệt.

- Vị trí bố trí tái định cư dự kiến được bố trí tại dự án hoặc khu vực khác trong trường hợp địa phương có quỹ đất.

6. Tiến độ thu hồi đất: 90 ngày đối với đất nông nghiệp, 180 ngày đối với đất ở và đất sản xuất kinh doanh kể từ ngày thông báo thu hồi đất. Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn thì không phải chờ đến hết thời hạn nêu trên.

7. Kế hoạch di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất: Kế hoạch di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất theo tiến độ GPMB của dự án theo quy định của pháp luật.

Người sử dụng đất có trách nhiệm di dời ra khỏi khu vực thu hồi đất sau khi đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được giao đất, bàn giao đất trên thực địa để xây dựng nhà ở tái định cư hoặc được bố trí tái định cư tại chỗ và đồng ý nhận tiền bồi thường chi phí tạm cư hoặc người sử dụng đất đồng ý và đã nhận tiền bồi thường để tự lo chỗ ở hoặc người có đất thu hồi tự nguyện bàn giao cho Nhà nước và đã được bố trí tạm cư hoặc được chi trả kinh phí tạm cư. Trường hợp người sử dụng đất không chấp hành, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo quy định (nếu có).

8. Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị phối hợp với Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực III, tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Trường hợp không liên lạc được, không gửi được thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) thì thông báo trên một trong các báo hàng ngày của trung ương và cấp tỉnh trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình của trung ương và cấp tỉnh 03 lần trong 03 ngày liên tiếp; Đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất, danh sách người có đất thu hồi trên địa bàn quản lý tại Trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

9. Chủ đầu tư dự án – Liên danh Sài Gòn Thái Nguyên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND phường, các cơ quan thuộc phường trong quá trình tổ chức thực hiện; phối hợp, bố trí tái định cư cho các hộ dân phải di chuyển chỗ ở và chuyển đầy đủ kinh phí để chi trả cho các hộ dân theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có); Tổ chức triển khai dự án đảm bảo đúng các quy định pháp luật.

10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Vạn Xuân: Có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Vạn Xuân, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực III, tỉnh Thái Nguyên trong việc phổ biến pháp luật, chủ trương thực hiện dự án và vận động, thuyết phục người sử dụng đất chấp hành kê khai, kiểm đếm, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ GPMB để tạo sự đồng thuận trong thực hiện dự án.

11. Các hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản nằm trong vùng quy hoạch dự án có trách nhiệm:

- Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất, không được cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới nhà ở, công trình, trồng mới cây lâu năm.

- Phối hợp với Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực III, tỉnh Thái Nguyên thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật; đồng thời chấp hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhận tiền và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. Trường hợp không chấp hành thì Nhà nước thực hiện kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

12. Thông báo thu hồi đất có hiệu lực trong thời hạn là 12 tháng kể từ ngày ký. Trường hợp quá thời hạn 12 tháng chưa hoàn thành công tác thu hồi đất, UBND phường sẽ có văn bản tiếp tục thực hiện.

13. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Thông báo thu hồi đất lên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường.

UBND phường Vạn Xuân thông báo để các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vùng quy hoạch Dự án Khu đô thị Nam Tiến 2 được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Ủy ban MTTQ phường;
- Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực III;
- Công ty CP tư vấn xây dựng và ĐTPT Vạn Xuân;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc phường;
- Các hộ dân có đất bị thu hồi;
- Các tổ chức, cá nhân liên quan;
- Lưu: VT, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Tân



PHỤ LỤC I

Kèm theo Thông báo số: 125/TB - UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của
UBND phường Vạn Xuân

STT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Địa chỉ thường trú	SMK	BD GPMB		BD địa chính (cũ)		Tổng diện tích (m2)	Diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Diện tích ngoài ranh giới thu hồi (m2)	Loại đất	Ghi chú
					Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
1	Dương Thị Bình	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	734	190	18	494	19	692,8	692,8	-	LUC	
2	Chu Mạnh Tiến	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	470	362	17	122	21	205,5	205,5	-	LUC	
3	Chu Minh Thịnh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	605	57	18	376	19	274,9	274,9	-	HNK	
				713	165	18	454	19	765,8	765,8	-	LUC	
4	Chu Ngọc Khâm	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	321	177	17	396	19	556,9	556,9	-	ODT	
5	Chu Quốc Hội	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	322	178	17	397	19	234,7	234,7	-	NTS	
6	Chu Quốc Nghị	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	294	150	17	385	19	468,4	468,4	-	ODT	
7	Chu Thị Quyết	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	553	479	17			19,7	19,7	-	HNK	
8	Chu Văn Cường	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	280	136	17	386, 387	19	368,2	368,2	-	ODT	
9	Chu Văn Khương	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	324	180	17	396, 397	19	1.084,9	1.084,9	-	ODT	
				677	130	18	446	19	141,2	141,2	-	LUC	
				690	144	18	466	19	958,8	958,8	-	LUC	
10	Chu Văn Thịnh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	752	209	18	484	19	431,0	431,0	-	HNK	
11	Chu Việt Cường	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	344	200	17	399	19	216,7	216,7	-	NTS	
				358	216	17	398	19	1.633,6	1.632,2	1,4	ODT	
12	Trần Văn Điều	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	232	89	17	254	19	57,2	57,2	-	HNK	
13	Dương Đình Bình	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	652	105	18	444	19	651,5	651,5	-	LUC	
				657	110	18	391	22	21,8	21,8	-	LUC	
				709	161	18	395	22	540,0	540,0	-	NTS	
				824	390	18	391	22	32,7	32,7	-	LUC	
14	Dương Đình Chí	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	818	384	18	465	19	206,9	206,9	-	LUC	
15	Dương Đình Đạt	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	742	198	18	459	22	246,5	246,5	-	LUC	
				813	297	18	88	21	127,2	120,1	7,1	HNK	
16	Dương Đình Hải	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	788	247	18	28	21	97,4	97,4	-	HNK	
17	Dương Đình Hiệp	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	789	248	18	36	21	489,4	489,4	-	LUC	
18	Dương Đình Hòa	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	768	225	18	21	21	390,3	390,3	-	LUC	
				795	257	18	34	21	994,6	994,6	-	LUC	
19	Dương Đình Hưng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	740	196	18	472	19	1609,41	1609,4	0	ODT	
							483						
							476						
20	Dương Đình Long	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	750	206	18	477	19	1231,54	1231,5	0	ODT	
							472						
							481						
21	Dương Đình Năng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	715	167	18	572	19	245,6	245,6	-	HNK	
22	Dương Đình Ngọc	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	771	229	18	24	21	164,0	164,0	-	ODT	
23	Dương Đình Phương	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	668	121	18	336	22	387,5	387,5	-	HNK	
24	Dương Đình Quyết	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	663	121	18	336	22	663,4	661,5	1,9	LUC	
				716	168	18	573	19	155,2	155,2	-	ODT	
25	Dương Đình Tài	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	717	169	18	574	19	143,9	143,9	-	ODT	
				718	170	18	575	19	130,8	130,8	-	ODT	
26	Dương Đình Thanh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	431	307	17	3	21	1.250,4	344,5	905,9	ODT	
				434	311	17	4	21	948,5	320,6	627,9	NTS	
				443	321	17	5	21	332,8	332,8	-	NTS	
				791	251	18	31	21	259,5	259,5	-	HNK	
27	Dương Đình Thăng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	857	12	24	239	20	379,4	379,4	-	ODT	
				658	111	18	380	22	889,4	889,4	-	LUC	
				659	112	18	334	22	591,4	591,4	-	LUC	
				675	128	18	379	22	229,9	229,8	-	HNK	
28	Dương Đình Thiện	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	811	293	18	90	21	97,2	86,5	10,7	HNK	
				798	266	18	84	21	919,2	919,2	-	LUC	
29	Dương Đình Thông	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	653	106	18	335	22	567,7	567,7	-	LUC	
30	Dương Đình Trường	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	744	200	18	460	22	968,8	968,8	-	LUC	
				747	203	18	450, 461	22	1.787,4	1.507,7	279,7	ODT	
				758	215	18	460	22	545,2	544,2	1,0	LUC	
				770	227	18	8	24	612,3	380,5	231,8	LUC	
				825	391	18	392	22	207,5	207,5	-	LUC	
				826	392	18	383	22	149,9	149,9	-	LUC	
				666	119	18	382	22	133,1	133,1	-	LUC	



31	Dương Đình Xuân	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	707	159	18	452	22	564,1	564,1	-	LUC	
				776	235	18	23	21	151,0	151,0	-	HNK	
				808	285	18			2.549,7	21,5	2.528,1	ODT	
32	Dương Đức Hưng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	804	280	18	87	21	384,1	382,8	1,3	LUC	
33	Dương Đức Thành	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	745	201	18	497, 498	19	1.121,1	726,8	394,3	NTS	
34	Dương Quốc Hưng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	441	319	17	2	21	851,6	533,7	317,9	ODT	
				493	403	17	132	21	355,2	355,2	-	LUC	
				692	146	18	395	22	160,2	160,2	-	LUC	
35	Dương Thế Hùng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	809	286	18	80,81	21	1157,1	511,5	645,6	ODT	
							82,83,94						
36	Dương Thị Bình	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	227	84	17	275	19	120,8	120,8	-	HNK	
				244	101	17			41,9	41,9	-	LUC	
				293	149	17	384	19	359,6	359,6	-	HNK	
				332	188	17	400	19	429,6	429,6	-	LUC	
				548	474	17	252	19	292,2	292,2	-	HNK	
				672	125	18	441	19	212,4	212,4	-	HNK	
				686	139	18	436, 438, 439	19	1.363,0	1.363,0	-	ODT	
				682	135	18	401	22	473,4	120,5	352,9	ODT	
38	Dương Thị Hải	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	299	155	17	383	19	589,4	589,4	-	LUC	
39	Dương Thị Hồng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	458	347	17	56	21	294,0	294,0	-	ODT	
40	Dương Thị Lý	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	219	76	17	255	19	345,1	345,1	-	HNK	
41	Dương Thị Nga	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	179	36	17	236	19	273,8	273,8	-	ODT	
				229	86	17	253	19	52,5	52,5	-	HNK	
				283	139	17	381	19	235,4	235,4	-	HNK	
42	Dương Thị Nguyên	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	492	402	17	131	21	870,3	870,3	-	LUC	
43	Dương Thị Nhậm	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	739	195	18	458	22	168,6	168,6	-	LUC	
44	Dương Thị Nhân	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	700	151	18	465	19	597,7	597,7	-	LUC	
				724	176	18	464	19	696,5	696,5	-	LUC	
45	Dương Thị Nhận	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	722	174	18	474	19	163,8	163,8	-	ODT	
				800	269	18	86	21	206,9	206,9	-	HNK	
				822	388	18	389	22	43,8	43,8	-	LUC	
46	Dương Thị Sinh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	667	120	18	384	22	132,0	131,9	0,1	LUK	
				720	172	18	450	22	665,8	474,5	191,3	ODT	
				823	389	18	389	22	169,2	169,2	-	LUC	
47	Dương Thị Tư	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	194	51	17	245	19	302,0	302,0	-	LUC	
				638	91	18	408	19	562,1	562,1	-	ODT	
				642	95	18			60,6	60,6	-	HNK	
				643	96	18	444	19	83,0	83,0	-	HNK	
				656	109	18	445	19	821,6	821,6	-	LUC	
				727	179	18	458	19	360,0	360,0	-	LUC	
48	Dương Thị Thuý Nga	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	239	96	17	276	19	104,9	104,9	-	HNK	
				169	26	17	237	19	244,3	244,3	-	ODT	
49	Dương Văn Nam	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	429	301	17	532	21	251,5	69,5	182,0	ODT	
50	Dương Văn Phương	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	679	132	18	399, 400	22	329,3	235,7	93,6	HNK	
				708	160	18	401	22	775,4	61,2	714,2	ODT	
51	Dương Việt Dũng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	817	300	18	81, 2,83	21	543,2	288,2	255,0	ODT	
52	Đào Thanh Hiền	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	291	147	17	378, 379, 380, 402	19	369,0	369,0	-	ODT	
53	Đào Thị Thanh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	215	72	17	250	19	176,3	176,3	-	HNK	
				236	93	17	246	19	496,2	496,2	-	LUC	
				379	239	17	500	19	352,1	352,1	-	NTS	
				552	478	17	133	21	248,6	248,4	0,2	LUC	
54	Đỗ Mạnh Hùng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	684	137	18	378	22	427,7	143,6	284,1	ODT	
55	Đỗ Thanh Xuân	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	685	138	18	423	19	724,3	724,3	-	LUC	
56	Đỗ Thị Nụ	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	464	353	17	52	21	332,5	332,5	-	LUC	
				465	354	17	50	21	787,8	787,8	-	LUC	
57	Đỗ Thị Sen	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	665	118	18	329	22	220,6	220,6	-	LUC	
				699	150	18	463	19	571,4	571,4	-	LUC	
58	Đỗ Văn Tường	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	640	93	18	327	22	443,6	443,6	-	HNK	
59	Đỗ Văn Tường	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	646	99	18	326	22	390,8	390,6	0,2	LUC	
60	Hà Sen	Trường Thịn	Trường Thịn	267	123	17	273	19	712,3	712,3	-	LUC	
61	Dương Thị Hải	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	205	62	17	251	19	146,3	146,3	-	HNK	
62	Lê Xuân Hoà	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	197	54	17	245	19	181,0	181,0	-	LUC	
				848	193	19	341, 373, 375	22	645,7	19,2	626,5	LUC	
63	Nguyễn Trung Hà	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	794	256	18	29	21	143,5	143,5	-	HNK	



64	Hoàng Văn Kỳ	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	723	175	18	455, 456	19	1.696,3	1.696,3	-	LUC	
65	Hoàng Minh Tuấn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	784	243	18	30	21	262,4	262,4	-	HNK	
66	Hoàng Thị Tâm	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	320	176	17	401	19	709,4	709,4	-	LUC	
67	Hoàng Văn Dân	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	351	208	17	393, 394	19	323,0	323,0	-	ODT	
68	Hoàng Văn Hương	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	391	253	17	502	19	289,7	164,4	125,3	ODT	
69	Hoàng Văn Kỳ	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	748	204	18	478, 479	19	1.413,6	1.413,6	-	ODT	
				762	219	18	4	24	197,0	197,0	-	HNK	
70	Hoàng Văn Nhật	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	310	166	17	391	19	237,4	237,4	-	HNK	
				340	196	17	418, 419	18	1.668,0	1.668,0	-	ODT	
71	Hoàng Văn Thanh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	265	121	17	253	19	83,7	83,7	-	HNK	
				348	205	17	586	18	97,5	97,1	0,4	CLN	
72	Dương Đình Hưng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	449	331	17	48, 529, 530	21	824,8	824,7	-	NTS	
73	Nguyễn Thị Bằng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	732	186	18	493	19	1.089,6	1.089,6	-	LUC	
74	Khu vực đất đã thu hồi	TDP Giữa 1		1	1	1			73,5	73,4	0,1	LUC	
				2	2	1			19,4	19,4	-	LUC	
				3	3	1			2,3	2,3	-	LUC	
				4	4	1			1,6	1,6	-	HNK	
				5	5	1			19,9	19,9	-	CLN	
				6	6	1			0,5	0,5	-	HNK	
				7	7	1			1,2	1,2	-	HNK	
				8	8	1			7,5	7,5	-	LUC	
75	Lê Công Doanh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	591	41	18			18,4	18,3	0,1	HNK	
76	Lê Hồng Du	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	516	436	17	503	19	902,8	160,7	742,1	ODT	
				629	82	18	403	19	220,1	220,1	-	LUC	
				787	246	18	32	21	120,3	120,3	-	HNK	
77	Lê Huy Phương	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	161	18	17	221	19	37,8	37,8	-	HNK	
78	Lê Ngọc Dung	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	661	114	18	409	19	160,5	160,5	-	ODT	
79	Lê Quang Huy	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	636	89	18	407, 606	19	263,9	263,9	-	ODT	
80	Lê Quý Thích	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	655	108	18	410	19	331,5	331,5	-	HNK	
				660	113	18	408	19	360,5	360,5	-	HNK	
81	Lê Tiến Thành	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	369	227	17	605	19	474,1	474,1	-	ODT	
82	Lê Thị Kim Cúc	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	354	212	17	420	18	1.422,8	1.422,8	-	ODT	
				380	240	17	467	18	36,6	36,6	-	CLN	
83	Lê Thị Nguyệt	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	315	171	17			28,7	28,7	-	HNK	
84	Lê Thị Quỳnh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	357	215	17	501	19	488,6	488,6	-	ODT	
85	Lê Thị Trang Nhung	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	635	88	18	594	19	144,1	144,1	-	ODT	
86	Lê Thị Vui	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	676	129	18	398	22	833,1	833,1	-	LUC	
				814	298	18	90, 91	21	359,3	317,7	41,6	ODT	
				815	299	18	91	21	66,2	66,2	-	HNK	
87	Lê Trọng Tâm	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	651	104	18	411	19	346,0	346,0	-	ODT	
88	Lê Văn Định	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	663	116	18	408	19	360,3	360,3	-	ODT	
89	Lê Văn Hoàn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	242	99	17	249	19	218,1	218,1	-	HNK	
90	Lê Văn Trung	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	550	476	17	503	19	256,7	256,7	-	ODT	
91	Lê Xuân Hòa	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	176	33	17	233	19	761,7	761,7	-	ODT	
				216	73	17	247, 248	19	235,3	235,3	-	LUC	
				819	385	18	422	19	228,7	228,7	-	LUC	
92	Lưu Trọng Luật	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	473	367	17	127, 128	21	228,8	228,8	-	LUC	
93	Ninh Hội	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	704	156	18	453	19	664,0	664,0	-	LUC	
94	Ngân Hồng Thanh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	680	133	18	394	22	481,3	481,3	-	LUK	
				725	177	18			716,3	21,6	694,7	ODT	
95	Chu Văn Nghị	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	702	154	18	452	19	635,9	635,9	-	LUC	
96		TDP Giữa 1		181	38	17	232	19	164,8	164,8	-	CLN	
97		TDP Giữa 1		736	192	18	474	19	88,0	88,0	-	CLN	
98		TDP Giữa 1		308	164	17	385A	19	47,9	47,9	-	CLN	
99		TDP Giữa 1		786	245	18			1,8	1,8	-	DGT	
100	Ngô Thị Lập	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	844	175	19	340	22	559,1	559,1	-	LUC	
			TDP Giữa 1	849	203	19	340	22	542,0	432,9	109,1	LUC	
101	Ngô Văn Đông	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	204	61	17	229	19	114,1	114,1	-	HNK	
				223	80	17	257	19	178,8	178,8	-	HNK	
				225	82	17	258	19	91,3	91,3	-	HNK	
102	Nguyễn Đăng Hữu	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	407	265	17	499	19	876,4	549,0	327,4	ODT	
103	Nguyễn Đăng Thái	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	381	241	17	499	19	943,9	943,9	-	ODT	
104	Nguyễn Đức Dũng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	764	221	18	496	19	772,0	215,9	556,1	ODT	
105	Nguyễn Đức Đại	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	756	213	18	485	19	1.023,7	904,0	119,7	ODT	
106	Nguyễn Đức Hoàn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	760	217	18	486, 487	19	265,5	265,5	-	ODT	
107	Nguyễn Đức Hùng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	719	171	18	457	22	1.694,0	1.694,0	-	LUC	
				743	199	18	492	19	476,1	476,1	-	HNK	

108	Nguyễn Đức Long	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	778	237	18	25	21	311,9	311,9	-	HNK	
				779	238	18	12	21	1.089,1	486,8	602,3	ODT	
				669	122	18	381	22	722,4	722,4	-	LUK	
				681	134	18	397	22	430,5	428,8	1,7	LUK	
				721	173	18	473, 473A	19	345,1	345,1	-	HNK	
				730	182	18	587	19	115,9	115,9	-	ODT	
				737	193	18	475	19	315,3	315,3	-	HNK	
				761	218	18	489	19	188,7	188,7	-	HNK	
				765	222	18	14	21	104,8	104,8	-	HNK	
				774	233	18	13	21	587,8	587,8	-	HNK	
				775	234	18	17	21	81,1	81,1	-	HNK	
				780	239	18	15	21	94,0	94,0	-	HNK	
				781	240	18	16	21	72,5	72,5	-	HNK	
				785	244	18	38, 39	21	866,1	866,1	-	HNK	
				792	252	18	37, 78	21	604,3	604,3	-	HNK	
				801	271	18			1.769,5	9,1	1.760,4	ODT	
				729	181	18	456	22	348,7	348,7	-	LUC	
				749	205	18	488	19	419,6	419,6	-	ODT	
				754	211	18	485, 488	19	247,1	247,1	-	ODT	
110	Nguyễn Đức Tân	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	806	282	18	85	21	156,2	156,1	-	HNK	
111	Nguyễn Đức Tuấn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	731	184	18	609	19	560,8	560,8	-	ODT	
112	Nguyễn Đức Tùng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1										
113	Nguyễn Đức Thành	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	777	236	18	480 từ 19; 26 từ 21	19,21	1.060,4	1.060,4	-	HNK	
114	Nguyễn Đức Thắng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	589	39	18	374	19	457,3	457,3	-	LUC	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	506	424	17	137a	21	353,5	353,5	-	ODT	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	852	4	24	521	21	133,0	132,9	-	ODT	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	856	11	24	137	21	246,3	246,3	-	LUC	
115	Nguyễn Hoàng Anh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	796	258	18	84	21	330,4	330,4	-	LUC	
116	Nguyễn Khắc Lâm	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	325	181	17	392, 393	19	999,7	999,7	-	ODT	
117	Nguyễn Ngọc Minh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	342	198	17	388A, 389	19	1.963,8	1.963,8	-	ODT	
118	Nguyễn Quang Bạo	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	687	140	18	462	19	331,2	331,2	-	LUC	
119	Nguyễn Quang Dũng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	285	141	17	264	19	386,4	386,4	-	CLN	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	301	157	17	264	19	251,3	251,3	-	LUK	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	337	193	17	390	19	551,6	551,5	-	ODT	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	621	74	18			521,8	521,8	-	LUC	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	735	191	18	451	22	1.322,1	1.322,1	-	LUC	
121	Nguyễn Quang Đức	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	678	131	18			63,1	63,1	-	LUC	
122	Nguyễn Quang Hòa	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	433	310	17	558	20	400,9	375,4	25,5	ODT	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	350	207	17	421, 422, 423	18	2.508,8	2.508,8	-	ODT	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	383	244	17	464, 466	18	344,1	344,1	-	LUK	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	386	248	17	464	18	323,0	323,0	-	NTS	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	422	293	17	470	18	448,8	448,8	-	LUK	
124	Nguyễn Quang Thắng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	705	157	18	468	19	313,6	313,6	-	LUC	
125	Nguyễn Quang Thắng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	508	426	17	488	21	139,8	139,8	-	ODT	
126	Nguyễn Quang Thùy	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	395	261	17	468, 469	18	720,9	720,9	-	LUK	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	412	272	17	625	20	1.361,5	811,5	550,0	ODT	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	417	283	17	470, 472	18	486,6	486,6	-	LUK	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	418	286	17	471	18	245,7	245,7	-	NTS	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	423	294	17	471	18	1.407,2	1.407,2	-	NTS	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	318	174	17	390	19	409,1	409,1	-	HNK	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	439	317	17	28	20	1.286,1	1.286,1	-	ODT	
128	Nguyễn Quang Vinh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	168	25	17	235	19	175,1	175,1	-	ODT	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	184	41	17	235, 238	19	134,1	134,1	-	HNK	
129	Nguyễn Tiến Nghiệp	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	769	226	18	33	21	577,9	577,9	-	LUC	
130	Nguyễn Tuấn Anh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	782	241	18	18	21	160,7	160,7	-	LUC	
131	Nguyễn Tuấn Thịnh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1										
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	664	117	18	412, 433, 434	19	462,9	462,9	-	ODT	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	673	126	18	432	19	157,0	157,0	-	NTS	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	683	136	18	461	19	524,8	524,8	-	LUC	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	674	127	18	435	19	329,8	329,8	-	LUK	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	812	294	18	93	21	527,6	300,8	226,8	ODT	
133	Nguyễn Thị Dung	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	753	210	18	489	19	303,9	303,9	-	ODT	
134	Nguyễn Thị Hào	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1										
135	Nguyễn Thị Hòa	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	767	224	18	1 từ 24; 27 từ 21	24;21	327,5	327,5	-	HNK	
136	Nguyễn Thị Hồng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	203	60	17	230	19	153,5	153,5	-	HNK	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	436	313	17	2	21	295,1	141,3	153,8	ODT	



137	Nguyễn Thị Kim Hồng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	440	1318	17	533	21	268,2	248,2	20,0	ODT	
				453	339	17	47, 54, 57	21	700,2	700,2	-	NTS	
				694	148	18	454	22	303,0	303,0	-	LUC	
				728	180	18	455	22	679,3	679,3	-	LUC	
138	Nguyễn Thị Kim Huệ	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	282	138	17	383	19	93,1	93,1	-	LUK	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	317	173	17	383, 601	19	379,2	379,2	-	ODT	
				472	364	17	51	21	435,7	435,7	-	LUC	
139	Nguyễn Thị Loan	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1				489, 490, 491, 618, 644	19	678,3	678,3	-	ODT	
				738	194	18	491	19	104,8	104,8	-	HNK	
				803	277	18	84, 92	21	431,4	431,4	-	LUC	
				810	287	18	92	21	29,5	29,5	-	LUC	
140	Nguyễn Thị Nhị	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	448	329	17	58	21	303,5	303,5	-	HNK	
141	Nguyễn Thị Tá	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	763	220	18	20	21	256,8	256,8	-	HNK	
142	Nguyễn Thị Tú	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	790	250	18	35	21	419,9	419,9	-	LUC	
143	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	746	202	18	619	19	397,3	397,3	-	ODT	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	751	207	18	576	19	160,5	160,5	-	ODT	
144	Nguyễn Thị Thịnh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	772	230	18	6	24	599,3	599,3	-	LUC	
145	Nguyễn Thị Thu Hòa	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	382	242	17	463, 554	18	384,2	384,2	-	CLN	
146	Nguyễn Thị Thủy Nga	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	602	54	18	282	19	47,6	47,6	-	HNK	
147	Nguyễn Trung Hà	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1				135, 135a, 135b	21	385,7	377,9	7,8	ODT	
				505	422	17	135b	21	186,5	186,4	-	LUC	
148	Nguyễn Văn Hoàn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	252	108	17			170,7	170,7	-	HNK	
149	Nguyễn Văn Nhuận	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	479	376	17	123	21	177,0	177,0	-	LUC	
150	Nguyễn Văn Thái	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	793	254	18	29	21	147,0	147,0	-	HNK	
		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	198	55	17			32,3	32,3	-	HNK	
151	Nguyễn Văn Thắng			612	65	18	375	19	426,2	426,2	-	LUC	
				805	281	18	84	21	269,2	269,2	-	LUC	
152	Nguyễn Văn Thân	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	296	152	17	169, 270, 272	19	816,4	816,3	-	HNK	
153	Nguyễn Văn Trinh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	755	212	18	405	24	2.090,4	72,7	2.017,7	ODT	
154	Nhà Văn Hóa	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	670	123	18	437	19	374,2	374,2	-	DSH	
155	QH quảng trường	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	9	56	4	356	18	130.684,6	0,1	130.684,5	DVH	
				593	44	18			34.266,6	20,4	34.246,2	DVH	
156	Trần Văn Sáu	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	286	142	17	382	19	195,5	195,5	-	LUC	
				328	184	17	448	19	499,9	499,9	-	LUC	
157	Phạm Văn Định	TDP Chùa	TDP Chùa	654	107	18	393	22	863,4	863,4	-	LUC	
158	Toàn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	200	57	17	227	19	127,9	127,9	-	HNK	
159	Dương Đình Tuấn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	309	165	17	382	19	572,1	572,1	-	LUC	
160	Dương Đình Tuấn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	446	327	17	49	21	364,2	364,2	-	LUC	
161	Dương Thị Tư	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	671	124	18	440	19	148,6	148,6	-	HNK	
162	Trần Thị Thành	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	339	195	17	371	18	820,1	820,1	-	LUC	
162	Thành Khương	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	783	242	18	7	24	187,7	159,2	28,5	LUC	
164	Đào Thị Thanh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	714	166	18	457	19	753,7	753,7	-	LUC	
165	Nguyễn Văn Thân	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	206	63	17	243, 244	19	223,0	223,0	-	LUC	
166	Trần Anh Tuấn	TDP Chùa	TDP Chùa	180	37	17	570	19	593,6	593,6	-	ODT	
				193	50	17	578	19	269,6	269,6	-	CLN	
167	Trần Đình Toàn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	375	235	17	513	19	758,3	55,4	702,9	ODT	
				710	162	18	469	19	443,5	443,5	-	LUC	
168	Trần Huy Khánh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	148	4	17	165	19	39,7	39,5	0,2	HNK	
				149	6	17			27,7	27,7	-	HNK	
169	Trần Huy Phương	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	156	13	17	219, 220	19	683,1	683,1	-	ODT	
				703	155	18	471	19	436,2	436,1	0,1	LUC	
170	Trần Mạnh Cường	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	186	43	17	569	19	457,6	457,6	-	ODT	
				477	373	17	124	21	565,6	565,6	-	LUC	
171	Trần Ngọc Hùng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	598	49	18			89,8	89,6	0,2	HNK	
				603	55	18	373	19	286,6	282,6	4,0	LUC	
				620	73	18	370, 371, 406	19	936,7	933,0	3,7	ODT	
172	Trần Thị Hạnh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	246	103	17	277, 278, 279, 377	19	389,2	389,2	-	ODT	
				648	101	18	408	19	345,6	345,6	-	ODT	
173	Trần Thị Hoa	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	175	32	17	608	19	100,9	100,9	-	ODT	
174	Trần Thị Quyết	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	163	20	17	234	19	121,9	121,9	-	CLN	



175	Trần Thị Sắc	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	766	223	18			430,3	430,3	-	LUC	
176	Trần Thị Tâm	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	688	142	18	447	19	277,7	277,7	-	LUC	
177	Trần Thị Thành	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	274, 378,	130	17	379, 380	19	285,2	285,2	-	ODT	
				624	77	18	405	19	644,9	644,9	-	LUC	
178	Trần Thị Vân	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	312	168	17	390	19	220,7	220,7	-	HNK	
179	Trần Thị Vóc	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	388	250	17	462	18	656,1	656,1	-	ODT	
180	Trần Thị Xuyên	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	497	409	17	176	20	575,6	575,6	-	LUC	
181	Trần Văn Chính	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	616	69	18	369	19	35,7	34,8	0,9	ODT	
				617	70	18	369	19	179,4	176,2	3,2	ODT	
				726	178	18	459, 460	19	521,1	521,1	-	LUC	
182	Trần Văn Điều	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	167	24	17	232	19	470,3	470,3	-	ODT	
				547	473	17	253	19	94,2	94,2	-	LUC	
183	Trần Văn Đức	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	393	259	17	513	19	1.073,6	90,7	982,9	ODT	
184	Trần Văn Khanh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	626	79	18	368	19	1.043,5	1.043,5	-	ODT	
				701	153	18	459, 460	19	541,2	541,1	-	LUC	
185	Trần Văn Khánh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	185	42	17	222, 223	18	155,4	155,4	-	HNK	
186	Trần Văn Lương	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	150	7	17	218	19	565,3	565,3	-	ODT	
				712	164	18	470	19	299,1	299,1	-	LUC	
187	Trần Văn Lượng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	212	69	17	253	19	102,7	102,7	-	LUC	
188	Trần Văn Mạnh	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	615	68	18	369	19	85,0	84,1	0,9	ODT	
189	Trần Văn Nam	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	155	12	17	219	19	463,9	463,9	-	ODT	
190	Trần Văn Ngọc						277, 278, 279, 280, 281, 377						
191	Trần Văn Phẩm	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	231	88	17		19	741,6	741,6	-	ODT	
				145	1	17	164	19	13,1	12,5	0,6	HNK	
				146	2	17			24,0	23,9	0,1	HNK	
				147	3	17	148	19	37,8	36,6	1,2	HNK	
				182	39	17	232	19	429,1	429,1	-	ODT	
				549	475	17	274	19	583,4	583,4	-	HNK	
192	Trần Văn Sáu	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	821	387	18	470	19	702,6	702,6	-	LUC	
				513	431	17	586	19	710,9	710,9	-	LUC	
				691	145	18	467	19	587,4	587,3	-	LUC	
193	Trần Văn Toàn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	807	284	18	85	21	160,0	160,0	-	HNK	
				689	143	18	452	19	983,7	983,7	-	LUC	
194	Trần Văn Tuấn	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	797	265	18	85	21	375,2	375,2	-	HNK	
195	Trần Văn Tường	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	347	204	17	577	19	746,1	746,1	-	LUC	
196	Trần Văn Trọng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	365	223	17	585	19	365,3	365,3	-	LUC	
197	Vũ Kim Đăng	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	157	14	17	219	19	730,1	730,1	-	ODT	
198	UBND phường	TDP Giữa 1		239, 242	19	187	44	17	319,7	319,7	-	HNK	
				158	15	17			55,1	55,1	-	DGT	
				190	47	17			58,9	58,4	0,5	DGT	
				249	106	17			395,9	395,9	-	DGT	
				329	185	17			27,1	27,1	-	DTL	
				392	258	17			41,7	41,7	-	BCS	
				495	407	17			58,0	58,0	-	DTL	
				619	72	18			77,5	77,5	-	DGT	
				639	92	18			1.008,4	1.008,4	-	DGT	
				645	98	18			11,8	11,8	-	DTL	
				695	149	18			9,5	9,5	-	DGT	
				696	149	18			23,7	23,7	-	DGT	
				697	149	18			347,2	347,2	-	DGT	
				698	149	18			0,7	0,7	-	DGT	
				706	158	18	453	22	183,4	183,4	-	DGT	
				711	163	18			69,9	69,9	-	BCS	
				733	188	18			136,8	136,8	-	DTL	
				773	232	18			1.613,2	1.608,2	5,0	DGT	
				799	268	18			16,1	16,1	-	DTL	
				802	276	18			33,5	33,5	-	DTL	
				816	299	18			42,7	0,7	42,0	DTL	
				820	386	18			25,7	25,7	-	DTL	
				834	99	19			5,2	5,2	-	DTL	
				841	154	19			3,3	3,3	-	DTL	
				842	155	19			800,6	487,2	313,4	DGT	
				847	183	19			40,8	40,8	-	DTL	
				851	244	19			616,5	616,5	-	DTL	
199		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	191	48	17			41,3	41,3	-	HNK	
200		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	374	234	17	465	18	442,8	442,8	-	LUC	



201		TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	450	333	17	49	21	198,4	198,4	-	LUC	
TỔNG CỘNG:									327.279,7	143.521,5	183.758,3		



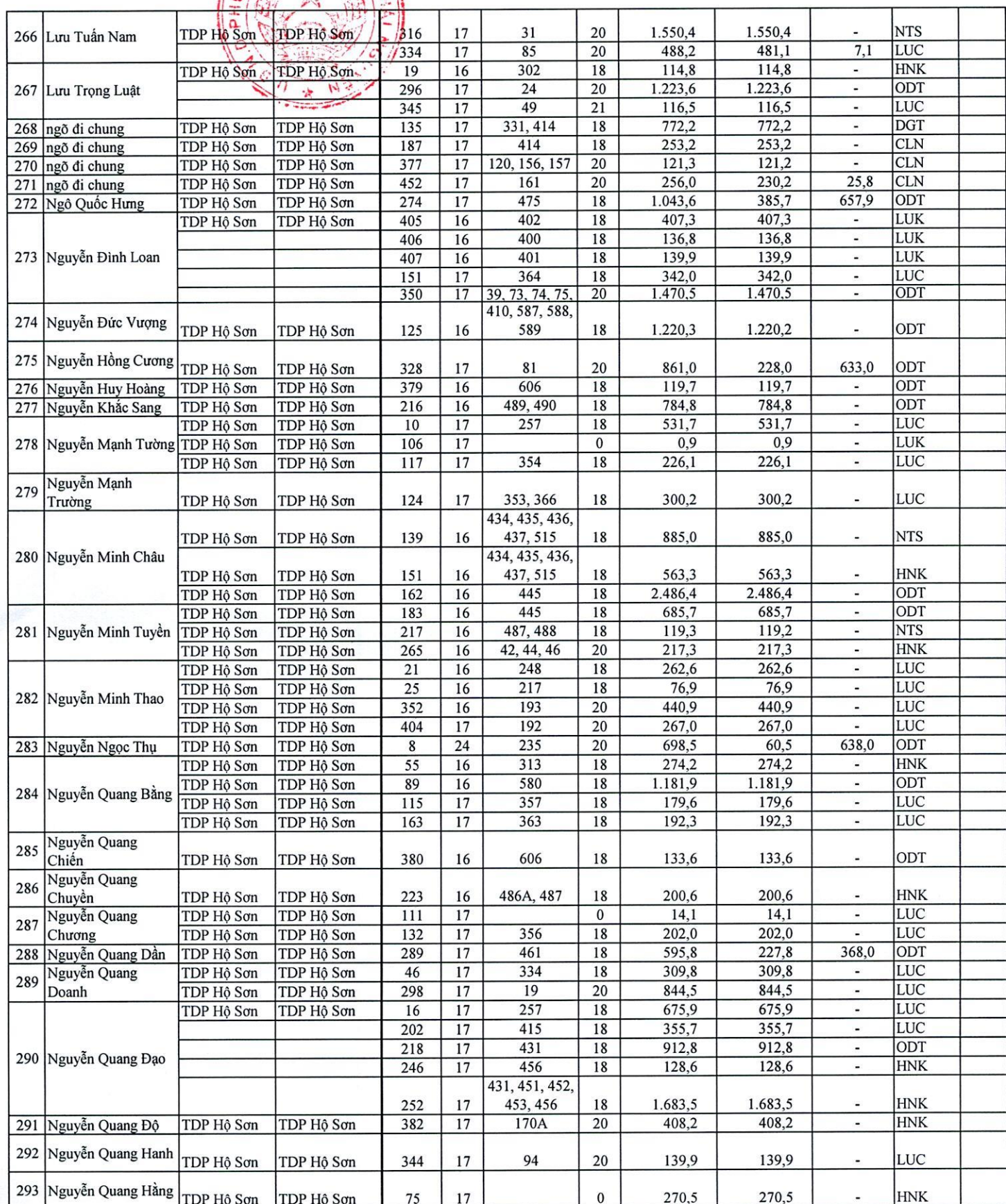
PHỤ LỤC II

Kèm theo Thông báo số: 125/TB - UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của
UBND phường Vạn Xuân

STT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Địa chỉ thường trú	BĐ GPMB		BĐ địa chính (cũ)		Tổng diện tích (m ²)	Diện tích dự kiến thu hồi (m ²)	Diện tích ngoài ranh giới thu hồi (m ²)	Loại đất	Ghi chú
				Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
201	Bùi Thị Hà	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	137	17	383	18	334,4	334,4	-	HNK	
				161	17	380	18	376,7	376,6	-	HNK	
				221	17	427	18	580,5	580,5	-	LUC	
202	Chu Anh Khương	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	384	16	447	15	469,6	343,8	125,8	ODT	
203	Chu Quốc Hội	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	71	17	342	18	74,2	74,2	-	HNK	
204	Chu Thị Thê	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	363	16	191, 194	20	1.117,7	671,3	446,4	LUC	
205	Chu Văn Tuấn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	274	16	71	20	420,4	420,4	-	LUC	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	30	24	235, 236	20	1.298,8	324,6	974,2	ODT	
206	Chùa Linh Sơn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	177	16	444, 490	18	2.691,9	2.691,9	-	TON	
207	Dương Đức Thiện	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	9	17	210	18	119,1	119,1	-	LUC	
208	Dương Thị Hằng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	169	17		0	125,6	125,6	-	HNK	
209	Đào Thị Dung	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	369	17	83	20	1.369,9	1.369,9	-	ODT	
210	Đạt	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	390	17	130	21	796,1	796,0	-	LUC	
211	Đặng Thị Thuý	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	190	17	545	18	831,8	831,8	-	ODT	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	201	17	585	18	223,8	223,8	-	ODT	
212	Đích	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	5	24	177	20	384,2	384,2	-	LUC	
213	Đình Huyền Thương	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	341	17	79	20	308,3	158,2	150,1	ODT	
214	Hoàn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	421	17	134	21	1.275,6	1.275,6	-	LUC	
215	Huệ Hải	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	351	16		0	270,9	22,1	248,8	HNK	
216	Hưng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	344	16	152	20	422,4	422,4	-	LUC	
217	Kiến	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	249	17	458	18	170,1	170,1	-	HNK	
218	Khoa	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	229	17	456	18	108,4	108,4	-	HNK	
219	Khoa Quý	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	85	17		0	3,5	3,5	-	HNK	
				90	17	226	19	13,3	13,3	-	HNK	
220	Khu vực không XD được RG	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	122	16	307, 395, 396, 398, 399, 438, 439, 440, 441	18	12.208,5	5.823,7	6.384,8	LUC	
221	Lâm Thị Chiên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	351	17	77, 78	20	981,8	965,5	16,3	ODT	
				425	17	178	20	317,2	317,2	-	LUC	
222	Lê Anh Khang	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	397	17	170	20	1.237,7	1.237,7	-	ODT	
223	Lê Công Tâm	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	299	17	34	20	1.061,0	61,2	999,8	ODT	
224	Lê Đình Châm	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	140	17	368	18	172,6	172,6	-	LUC	
				158	17	365	18	200,4	200,4	-	LUC	
				159	17	553	18	406,7	406,7	-	LUC	
				320	17	35, 82	20	1.280,0	163,6	1.116,4	ODT	
				346	17	86	20	667,1	667,1	-	HNK	
225	Lê Đình Khang	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	116	17	378	18	214,2	214,2	-	HNK	
226	Lê Đức Cường	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	39	16	296, 589	18	771,2	771,1	-	ODT	
227	Lê Đức Cường	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	31	17	293	18	129,5	129,5	-	HNK	
				104	17	377	18	171,3	171,3	-	HNK	
				118	17	376	18	297,9	297,9	-	HNK	
				457	17	292	18	233,1	233,1	-	HNK	
				458	17	329	18	84,5	84,5	-	HNK	
				459	17	329, 330	18	215,9	215,9	-	HNK	
				460	17	330	18	197,3	197,3	-	HNK	
228	Lê Đức Điệp	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	456	17	295	18	97,2	97,2	-	HNK	
229	Lê Đức Mười	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	287	17	473	18	1.344,9	1.344,9	-	ODT	
230	Lê Đức Thiện	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	45	17	291	18	248,2	248,2	-	HNK	
				56	17	331	18	282,8	282,8	-	HNK	
				81	17	359	18	116,9	116,9	-	HNK	
				92	17	332	18	302,6	302,6	-	HNK	
				112	17	360	18	307,5	307,5	-	HNK	
				113	17	359	18	216,6	216,6	-	LUC	
231	Lê Đức Thọ	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	461	17		0	55,0	55,0	-	HNK	
				278	16	49, 57	20	3.524,6	3.524,6	-	ODT	
232	Lê Đức Yên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	88	16	613	18	211,6	211,6	-	ODT	



233	Lê Hồng Quân	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	154	16	591	18	186,0	186,0	-	LUK	
				160	16	573	18	263,1	263,1	-	LUK	
				195	16	485	18	588,7	588,7	-	ODT	
				212	16	486	18	371,5	371,5	-	ODT	
234	Lê Huy Trọng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	92	16	384	18	201,9	201,9	-	ODT	
235	Lê Huy Trọng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	58	17	328	18	228,1	228,1	-	HNK	
				74	17	331	18	360,6	360,6	-	HNK	
				94	17	329	18	186,0	185,9	-	HNK	
236	Lê Minh Thân	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	67	17	346	18	104,2	104,2	-	HNK	
				70	17	345	18	87,1	87,1	-	HNK	
				308	17	33	20	711,2	21,3	689,9	ODT	
				465	17	349	18	246,8	246,8	-	HNK	
237	Lê Minh Thôn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	114	17	345	18	162,8	162,8	-	HNK	
238	Lê Ngọc Kim	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	95	16	388	18	267,6	267,6	-	HNK	
239	Lê Ngọc Thạch	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	392	17	109, 112	20	2.281,3	2.237,5	43,8	CLN	
				408	17	181	20	270,1	270,1	-	LUC	
				416	17	162	20	680,3	680,3	-	NTS	
240	Lê Quang Thọ, Lê Hữu Bình	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	23	17	28	18	758,4	758,4	-	LUC	
241	Lê Tú Anh	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	300	17	613	20	200,9	98,9	102,0	ODT	
242	Lê Thanh Định	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	143	17	564	18	399,5	399,5	-	ODT	
243	Lê Thị Chiến	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	129	17	372, 373	18	413,9	413,9	-	HNK	
				175	17	372, 414	18	3.236,6	3.236,6	-	ODT	
244	Lê Thị Dụ	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	349	17	87	20	1.439,3	1.439,3	-	NTS	
245	Lê Thị Dữ	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	374	17	107, 108	20	1.753,8	1.753,8	-	NTS	
246	Lê Thị Đắc	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	35	16	301	18	374,4	374,4	-	LUC	
				24	16	247	18	130,2	130,2	-	LUC	
247	Lê Thị Hạnh	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	189	17	590	18	215,9	215,9	-	ODT	
248	Lê Thị Hằng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	120	17	346	18	130,1	130,1	-	HNK	
249	Lê Thị Hiệp	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	191	17	411	18	483,2	483,2	-	ODT	
250	Lê Thị Nhung	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	398	17	586, 605	20	241,8	241,8	-	ODT	
251	Lê Thị Trang	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	96	16	563	18	91,1	91,1	-	ODT	
252	Lê Thị Yên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	383	17	170, 171, 172, 173, 174	20	1.073,2	1.073,2	-	ODT	
				464	17	378	18	184,7	184,7	-	HNK	
				163	16	446	18	294,8	294,8	-	LUK	
253	Lê Trung Kiên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	224	16		0	172,0	172,0	-	ODT	
				389	16	485	18	567,2	567,2	-	ODT	
				394	16		0	34,3	34,3	-	HNK	
254	Lê Văn Chiến	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	337	16	150	20	584,3	584,0	0,3	LUC	
255	Lê Văn Mười	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	68	17	260	19	96,6	96,6	-	HNK	
				105	17	257, 262	19	185,2	185,2	-	LUC	
				107	17	256	19	200,9	200,9	-	LUC	
				122	17	265	19	179,8	179,8	-	LUC	
				160	17	263	19	883,9	883,9	-	HNK	
256	Lê Văn Phú	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	199	16	499, 500	18	520,9	520,9	-	CLN	
257	Lê Văn Quý	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	389	17	154, 155, 156	20	145,4	145,4	-	HNK	
258	Lê Văn Thọ	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	300	16	72	20	359,7	359,7	-	LUC	
259	Lê Xuân Khải	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	218	16	497, 498	18	335,8	335,8	-	NTS	
				241	16	2	20	375,1	375,1	-	HNK	
				244	16	417	15	319,2	291,8	27,4	ODT	
				248	16	3	20	230,1	230,1	-	HNK	
				251	16	57	20	316,0	278,0	38,0	HNK	
260	Lê Xuân Nghĩa	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	168	16	447	18	368,2	368,2	-	LUK	
				390	16	485	18	516,2	516,2	-	ODT	
261	Lê Xuân Phòng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	206	16	496, 498, 562	18	472,9	472,9	-	NTS	
				219	16	482	15	533,5	526,8	6,7	ODT	
262	Lê Xuân Thuý	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	471	17	586, 605	20	256,0	256,0	-	CLN	
				65	17	327	18	269,3	269,3	-	HNK	
				396	17	167, 168, 569	20	1.300,2	1.300,2	-	ODT	
263	Lê Xuân Trung	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	179	16	448	18	332,1	332,1	-	LUK	
264	Luật Thọ	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	356	17	126	21	163,7	163,7	-	HNK	
265	Lương Thị Nhở	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	388	16	432	18	192,2	192,1	-	ODT	





294	Nguyễn Quang Hiệp	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	260	17	476, 476A, 477	18	951,6	334,8	616,8	ODT	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	15	16		0	3,5	3,5	-	HNK	
295	Nguyễn Quang Hoàn			183	16	215, 250, 252	18	1.924,4	1.924,4	-	ODT	
				31	16	216	18	13,0	13,0	-	HNK	
				401	17	584	20	890,7	890,7	-	HNK	
296	Nguyễn Quang Huân	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	209	17	427	18	511,4	511,4	-	LUC	
297	Nguyễn Quang Hùng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	388	16	389	18	256,7	256,7	-	HNK	
298	Nguyễn Quang Kiên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	225	17	549	18	1.127,4	1.127,4	-	ODT	
299	Nguyễn Quang Kỳ	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	31	24	578	20	164,8	164,8	-	ODT	
300	Nguyễn Quang Khang	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	149	16	607	18	531,2	531,1	-	ODT	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	158	16	443, 444	18	3.108,4	3.108,4	-	ODT	
				169	16	444	18	359,0	359,0	-	HNK	
				176	16	444, 491, 492	18	1.142,3	1.142,3	-	HNK	
				182	16	444, 494, 495	18	459,5	459,5	-	HNK	
				189	16	493	18	179,0	178,9	-	HNK	
				196	16	501	18	362,8	362,8	-	HNK	
				134	17	352	18	165,5	165,5	-	HNK	
				148	17	351	18	183,6	183,6	-	HNK	
302	Nguyễn Quang Liên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	239	16	10, 11, 47	20	607,0	607,0	-	LUC	
				226	17		0	373,4	373,4	-	HNK	
				228	17	426	18	1.701,9	1.691,1	10,8	ODT	
303	Nguyễn Quang Liễn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	119	17	358	18	346,2	346,2	-	LUC	
304	Nguyễn Quang Long + Nguyễn Quang Tân	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	312	17	461	18	889,9	281,1	608,8	ODT	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	91	17	326	18	586,7	586,7	-	LUC	
305	Nguyễn Quang Mùi			213	17	421, 424	18	1.284,9	1.282,7	2,2	ODT	
				251	17	461	18	978,7	978,7	-	LUC	
				472	17	129	21	129,3	129,2	-	HNK	
306	Nguyễn Quang Ninh + Nguyễn Quang Khang	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	217	17	578	18	421,3	421,3	-	ODT	
307	Nguyễn Quang Ngân	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	21	24	245, 246	20	783,7	783,7	-	LUC	
308	Nguyễn Quang Ngón	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	361	17	110	20	286,7	286,7	-	HNK	
309	Nguyễn Quang Phổ	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	453	17	598	20	413,2	172,2	241,0	ODT	
310	Nguyễn Quang Quyền	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	333	16	126	20	563,7	563,7	-	LUC	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	242	16	16, 18	20	204,5	204,5	-	LUC	
				288	16	41	20	622,1	622,1	-	LUC	
				337	17	40	20	682,2	682,2	-	LUC	
				414	17	179	20	788,5	788,5	-	LUC	
				418	17	596	20	282,8	221,3	61,5	ODT	
				450	17	597	20	307,7	123,9	183,8	ODT	
				15	24	237	20	1.189,6	1.189,6	-	NTS	
312	Nguyễn Quang Sơn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	110	17	267	19	384,7	384,7	-	HNK	
				127	17	268	19	160,1	160,1	-	HNK	
				133	17	266	19	221,9	221,9	-	LUC	
313	Nguyễn Quang Tạo	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	30	17	289	18	398,5	398,5	-	HNK	
				66	17	289	18	48,7	48,7	-	HNK	
314	Nguyễn Quang Tân	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	314	17	22	20	183,3	183,3	-	LUC	
				442	17	461	18	719,5	282,4	437,1	ODT	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	174	16	495	15	906,6	838,0	68,6	CLN	
				383	16	351	15	3.092,3	15,5	3.076,8	ODT	
				386	16	347	15	403,3	182,6	220,7	ODT	
				408	16	351	15	42,5	5,2	37,3	HNK	
				230	17	467	18	471,2	471,2	-	ODT	
				233	17	579	18	404,0	404,0	-	HNK	
				245	17	601	18	424,1	424,1	-	ODT	



316	Nguyễn Quang Toàn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	53	17	333	18	95,0	95,0	-	LUC	
				77	17	333	18	545,5	545,5	-	LUC	
				454	17	255	18	129,1	129,1	-	HNK	
				455	17		0	81,4	81,4	-	HNK	
317	Nguyễn Quang Tuấn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	83	16	392, 393	18	386,2	386,2	-	HNK	
				111	16	407, 408	18	717,7	717,7	-	HNK	
				115	16	409	18	889,5	889,5	-	ODT	
				127	16		0	157,7	157,7	-	HNK	
318	Nguyễn Quang	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	348	17	88, 89, 90, 91,	20	1.370,0	1.370,0	-	ODT	
319	Nguyễn Quang Tuyền	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	236	16	15	20	201,1	201,1	-	HNK	
				263	16	42	20	159,5	159,5	-	HNK	
				22	17		0	13,1	13,1	-	LUC	
320	Nguyễn Quang Tuyền	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	180	16	445	18	695,3	695,3	-	ODT	
				256	16		0	156,9	156,9	-	HNK	
321	Nguyễn Quang Thành	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	360	17	95, 96, 97, 98, 101, 103, 105, 106	20	1.223,3	1.223,3	-	ODT	
322	Nguyễn Quang Thắng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	153	17	361	18	155,2	155,2	-	LUC	
				162	17	365	18	56,7	56,6	-	HNK	
				263	17	552	18	389,2	389,2	-	ODT	
323	Nguyễn Quang Thắng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	17	17	256	18	822,7	822,6	-	LUC	
				19	17	254	18	252,6	252,6	-	HNK	
				435	17	551	18	416,0	208,4	207,6	ODT	
				440	17	474	18	113,8	113,8	-	ODT	
324	Nguyễn Quang Thọ	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	98	17	323	18	963,2	963,2	-	ODT	
325	Nguyễn Quang Thu	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	27	24	580	20	310,3	298,6	11,7	ODT	
326	Nguyễn Quang Thuận	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	27	17	290	18	244,8	244,8	-	HNK	
				35	17	294	18	162,5	162,5	-	HNK	
				87	17	333	18	197,6	197,6	-	LUC	
				100	17	379	18	146,1	146,1	-	HNK	
				172	17	412	18	262,6	262,6	-	HNK	
327	Nguyễn Quang Thuận	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	49	16	309	18	607,6	607,6	-	LUC	
				54	16	308	18	347,5	250,5	97,0	LUC	
				59	16	310	18	243,1	243,1	-	LUC	
				11	17		0	101,4	101,4	-	HNK	
				21	17	211	18	787,6	787,6	-	ODT	
				28	17	324	18	221,8	221,8	-	HNK	
				40	17	288	18	686,9	686,9	-	LUC	
328	Nguyễn Quang Thuyền	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	323	17	29, 30	20	474,7	474,7	-	LUC	
329	Nguyễn Quang Trương	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	144	17	362	18	631,6	631,6	-	LUC	
330	Nguyễn Quang Uy	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	412	17	602	20	402,9	402,9	-	LUC	
331	Nguyễn Quang Văn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	270	17	461, 482	18	237,7	237,7	-	HNK	
				277	17		0	80,5	80,5	-	HNK	
				280	17	461, 482	18	284,8	275,9	8,9	HNK	
				288	17	461, 482	18	831,9	317,4	514,5	ODT	
332	Nguyễn Tuấn Huỳnh	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	396	16	626	20	481,1	334,7	146,4	ODT	
333	Nguyễn Tùng Thông	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	318	16	66	20	414,6	297,4	117,2	HNK	
				380	17	110	20	221,2	66,5	154,7	HNK	
334	Nguyễn Tùng Thông	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	388	17	153	20	666,9	666,9	-	LUC	
335	Nguyễn Thanh Bình	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	325	17	38	20	323,5	26,5	297,0	ODT	
				443	17	38	20	1.212,1	1.087,4	124,7	ODT	
336	Nguyễn Thanh Hải	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	319	16	67	20	632,0	545,0	87,0	HNK	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	395	16	65	20	421,0	271,5	149,5	ODT	
337	Nguyễn Thanh Tùng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	387	16	481	15	530,2	519,3	10,8	ODT	
338	Nguyễn Thị Cúc	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	208	16	445, 566	18	219,0	219,0	-	ODT	
339	Nguyễn Thị Hằng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	58	16	312, 314, 315	18	522,1	522,1	-	HNK	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	60	16	299, 300, 316,	18	2.316,3	2.316,3	-	ODT	
340	Nguyễn Thị Hậu	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	305	16	627	20	312,1	242,3	69,8	ODT	
341	Nguyễn Thị Hoài	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	211	17	577	18	289,2	289,2	-	ODT	
342	Nguyễn Thị Hồng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	401	16	394	18	339,6	339,6	-	ODT	
				403	16	394a	18	698,2	698,2	-	CLN	
				53	24	237	20	331,2	316,9	14,3	ODT	



343	Nguyễn Thị Lan Hương	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	462	17	548	18	333,4	333,4	-	ODT	
344	Nguyễn Thị Liên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	309	16	124, 124a	20	827,5	827,5	-	LUC	
				335	16	151	20	315,5	315,5	-	LUC	
345	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	237	17	572	18	108,4	108,4	-	ODT	
346	Nguyễn Thị Nhật Lệ	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	214	17	425	18	335,2	335,2	-	ODT	
347	Nguyễn Thị Tị	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	372	16		0	980,5	30,2	950,3	LUC	
348	Nguyễn Thị Ty	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	183	17	411	18	1.020,6	1.020,6	-	ODT	
349	Nguyễn Thị Thái	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	441	17	479	18	499,5	185,3	314,2	ODT	
350	Nguyễn Thị Thanh Nga	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	219	17	425	18	418,8	418,8	-	ODT	
351	Nguyễn Thị Thảo	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	36	16	248	18	147,9	147,9	-	LUC	
352	Nguyễn Thị Thu Hòa	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	463	17	425	18	317,2	317,2	-	ODT	
353	Nguyễn Thị Thuý	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	370	17	115, 116, 117	20	499,5	499,5	-	ODT	
354	Nguyễn Thị Việt	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	206	17	608	18	220,5	220,5	-	ODT	
				430	17	426b	18	406,8	406,8	-	ODT	
355	Nguyễn Thị Vương	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	328	16	127	20	370,2	365,2	5,0	LUC	
356	Nguyễn Văn Hùng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	109	17		0	564,2	564,2	-	HNK	
357	Nguyễn Văn Lực	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	222	17	428	18	311,5	311,5	-	LUC	
358	Nguyễn Văn Minh	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	83	17	258	19	183,1	183,1	-	HNK	
359	Nguyễn Văn Quý	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	467	17		0	254,4	254,4	-	HNK	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	468	17	603	18	202,8	202,8	-	ODT	
360	Nguyễn Văn Sơn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	238	17	459	18	108,0	108,0	-	HNK	
361	Nguyễn Văn Toàn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	297	17	20	20	845,8	845,8	-	LUC	
362	Nguyễn Văn Trọng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	78	17	259	19	227,4	227,4	-	HNK	
363	Nguyễn Việt Hoàng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	402	16	403, 404, 405, 406, 581	18	1.229,9	1.229,9	-	ODT	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	128	17	375	18	337,2	337,2	-	HNK	
364	Nguyễn Viết Hồng			131	17	374	18	218,9	218,9	-	HNK	
				146	17	381	18	136,5	136,5	-	HNK	
				170	17		0	447,7	447,7	-	HNK	
				199	17	416	18	716,8	716,8	-	LUC	
				224	17	460	18	443,4	443,4	-	LUC	
365	Nhà Văn Hóa TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	252	16	8, 48, 50	20	969,6	969,6	-	DSH	
366	Nhị	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	356	16		0	290,2	0,1	290,1	HNK	
367	Phúc	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	228	16	17	20	87,2	87,2	-	HNK	
368	Phước	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	9	24	182, 230	20	587,1	587,1	-	ODT	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	229	16	43	20	765,7	765,7	-	LUC	
369	Tạ Thị Sinh			237	16	14	20	75,2	75,2	-	LUC	
				243	16	12	20	164,9	164,9	-	LUC	
				260	16		0	164,7	164,7	-	HNK	
				307	16	126	20	346,1	346,1	-	LUC	
				282	17	461	18	151,5	151,5	-	HNK	
370	Tạ Văn Khanh	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	49	17	231	19	171,9	171,9	-	HNK	
371	Tạ Văn Sinh	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	404	16	397	18	391,3	391,3	-	HNK	
372	Tích Tuấn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	312	16	125	20	737,3	737,3	-	LUC	
373	Tổng công ty Điện Lực Thái Nguyên - Công ty Điện Lực TP. Phổ Yên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	192	16	302	18	190,5	190,5	-	DNL	
374	Thái	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	358	17	125	21	755,0	755,0	-	LUC	
375	Thắng + Duyên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	179	17	605	18	216,0	216,0	-	ODT	
				182	17	426, 609	18	426,3	426,3	-	ODT	
376	Thông	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	267	16	56	20	165,2	25,8	139,4	HNK	
377	Trần Duy Mạnh	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	95	17	347	18	38,3	38,3	-	HNK	
				102	17	348	18	156,0	156,0	-	HNK	
378	Trần Quốc Hiệp	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	34	16	303	18	145,1	145,1	-	HNK	
379	Trần Thị Kiên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	34	17	295	18	1.150,7	1.150,7	-	LUC	
380	Trần Thị Kien	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	363	17	112	20	338,2	268,1	70,1	ODT	
				372	17	120	20	781,1	781,1	-	LUC	
381	Trần Thị Kiều	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	446	17	571	20	289,9	10,1	279,8	ODT	



382	Trần Văn Dũng	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	429	17	546	18	273,8	273,8	-	ODT	
				469	17	547	18	268,8	268,8	-	ODT	
383	Trần Văn Dương	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	302	17	32	20	1.260,7	1.239,1	21,6	ODT	
		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	44	16	311	18	191,3	191,3	-	HNK	
384	Trần Văn Khánh			8	17	258, 260	18	259,1	259,1	-	LUC	
				29	17	224	18	46,3	46,3	-	HNK	
				156	17		0	230,0	230,0	-	HNK	
				167	17	417	18	1.326,7	1.326,7	-	ODT	
385	Trần Văn Khoa	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	470	17	84	20	308,5	308,5	-	ODT	
386	Trần Văn Tường	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	13	24	240	20	485,0	485,0	-	LUC	
387	Trần Văn Thái	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	59	17	325	18	696,9	696,9	-	LUC	
388	Vũ Thị Lộc	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	448	17	161	20	323,1	134,5	188,6	ODT	
389	Vũ Thị Luyến	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	73	16	320, 321, 322	18	1.671,2	1.671,2	-	ODT	
390	Vũ Thị Thảo	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	267	17	478	18	284,0	121,2	162,8	ODT	
391	Xuân Mùi	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	466	17	350	18	75,0	75,0	-	HNK	
392		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	97	17	341	18	135,1	135,1	-	HNK	
393	Nguyễn Xuân Điệp	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	385	16	514	18	541,0	541,0	-	ODT	
394		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	52	17	228	19	75,9	75,9	-	HNK	
395		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	12	16			23,4	23,4	-	DGT	
396	Nguyễn Tiến Thần, Dương Đình Khoa	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	130	16	589, 590	18	342,6	342,6	-	ODT, CLN	
		TDP Hộ Sơn		185	16			1.831,3	1.831,3	-	DGT	
				185	16			161,8	161,7	0,1	DGT	
				185	16			85,9	85,9	-	DGT	
				190	16	485	18	134,9	134,8	-	DGT	
				204	16			54,1	20,2	33,9	DTL	
				249	16	9	20	105,1	105,1	-	HNK	
				259	16	4, 5, 6, 52, 53	20	2.381,3	2.149,2	232,1	DTT	
				275	16			208,2	160,4	47,8	DTL	
				400	16			739,8	739,8	-	DGT	
				79	17	342	18	6,2	6,1	-	DTL	
				186	17			200,6	200,6	-	DGT	
				192	17			612,5	612,5	-	DTL	
				262	17			3.098,4	2.483,3	615,1	DGT	
				262	17			1.098,2	1.098,2	-	DGT	
				262	17			0,7	0,7	-	DGT	
				262	17			4,8	4,8	-	DGT	
				262	17			136,4	136,4	-	DGT	
				262	17			2,0	2,0	-	DGT	
				262	17			30,1	30,1	-	DGT	
				262	17			1.799,3	1.799,3	-	DGT	
				262	17			231,8	231,7	0,1	DGT	
				268	17			78,5	78,4	-	DTL	
				417	17			283,6	283,6	-	DGT	
				50	24			167,5	167,5	-	DGT	
				170	24			51,0	51,0	-	DGT	
				170	24			77,5	77,5	-	DGT	
				170	24			219,6	203,5	16,1	DGT	
396		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	201	16	357	15	286,1	286,1	-	HNK	
397		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	294	16	68, 69, 70	20	404,0	404,0	-	HNK	
398	Hà Thị Thuý Vân	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	64	17	602	18	178,8	178,8	-	ODT	
399		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	125	17	341	18	5,1	5,1	-	HNK	
400		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	126	17	351	18	243,3	243,3	-	HNK	
401	Lê Quang Khải	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	145	17	614	18	269,9	269,9	-	ODT	
402		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	154	17			55,4	55,4	-	LUC	
403		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	194	17	369, 370	18	277,5	277,5	-	LUC	
404		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	197	17			305,1	305,1	-	HNK	
405	Nguyễn Thị Duyên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	220	17	429, 430	18	426,2	426,2	-	HNK	
406		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	236	17	459	18	38,5	38,5	-	HNK	
407		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	264	17	484	18	647,8	647,8	-	LUK	
408		TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	269	17	461	18	141,2	141,2	-	HNK	
409	Lê Thị Bích Ngọc	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	427	17	597	18	152,9	152,9	-	ODT	
410	Đào Xuân Sơn	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	428	17	604	18	373,4	373,4	-	ODT	
411	Trần Khánh Duyên	TDP Hộ Sơn	TDP Hộ Sơn	432	17	570	18	375,4	375,4	-	ODT	

PHÒNG VĂN XƯA
PHỤ LỤC III
Kèm theo Thông báo số: 125/TB-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của
UBND phường Vạn Xuân

STT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Địa chỉ thường trú	BD GPMB		BD địa chính (cũ)		Tổng diện tích (m ²)	Diện tích dự kiến thu hồi (m ²)	Diện tích ngoài ranh giới thu hồi	Loại đất	Ghi chú
				Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
414	Dương Đình Long	TDP Chùa	TDP Chùa	38	18	261	22	734,6	734,6	-	HNK	
415	Dương Thị Chúc	TDP Chùa	TDP Chùa	81	18	310	22	345,5	345,5	-	LUC	
416	Định	TDP Chùa	TDP Chùa	147	18	396	22	510,3	451,3	59,0	LUC	
417	Đỗ Thành Xuân	TDP Chùa	TDP Chùa	42	18	260	22	114,9	114,9	-	HNK	
				47	18	260	22	125,6	125,6	-	HNK	
418	Đỗ Thị Sen	TDP Chùa	TDP Chùa	53	18	259	22	268,7	268,7	-	HNK	
				84	18	310	22	331,7	331,7	-	LUC	
419	Hoàng Minh Tuấn	TDP Chùa	TDP Chùa	16	18	485	22	443,2	443,2	-	LUC	
				23	18	245	22	115,9	115,9	-	HNK	
420	Nguyễn Thị Lương	TDP Chùa	TDP Chùa	22	18	190	22	76,7	76,7	-	HNK	
421	Nguyễn Công Huy	TDP Chùa	TDP Chùa	2	18	185	22	194,8	194,8	-	CLN	
422	Nguyễn Danh Tiến	TDP Chùa	TDP Chùa	80	18	318	22	374,7	374,1	0,6	ODT	
423	Nguyễn Đức Bạo	TDP Chùa	TDP Chùa	46	18	57,316,53	22	583,5	583,5	-	ODT	
424	Nguyễn Đức Mạnh	TDP Chùa	TDP Chùa	78	18	558	22	884,4	884,4	-	ODT	
425	Nguyễn Minh Tiến	TDP Chùa	TDP Chùa	83	19		0	1.882,7	27,3	1.855,4	ODT	
426	Nguyễn Quang Hằng	TDP Chùa	TDP Chùa	71	18	308	22	134,3	134,3	-	HNK	
				85	18	307	22	256,1	256,1	-	HNK	
427	Nguyễn Thị Chi	TDP Chùa	TDP Chùa	36	18	258	22	277,0	277,0	-	ODT	
428	Nguyễn Thị Dân	TDP Chùa	TDP Chùa	161	19	338	22	270,5	270,5	-	ODT	
429	Nguyễn Thị Hào	TDP Chùa	TDP Chùa	64	18	769	22	67,8	67,8	-	ODT	
430	Nguyễn Thị Lương	TDP Chùa	TDP Chùa	86	18	264,305	22	728,1	728,1	-	ODT	
431	Nguyễn Thị Mai Huyền	TDP Chùa	TDP Chùa	63	18	770	22	76,4	76,4	-	ODT	
				52	18	257	22	62,4	62,4	-	LUK	
432	Nguyễn Thị Tuyết	TDP Chùa	TDP Chùa	58	18	35,257,31	22	521,8	521,6	0,2	HNK	
				67	18	317	22	129,2	129,2	-	ODT	
433	Nguyễn Thị Thanh	TDP Chùa	TDP Chùa	132	19		0	805,3	3,4	801,9	ODT	
				144	19		0	783,8	-	783,8	ODT	
434	Nguyễn Thị Thắm	TDP Chùa	TDP Chùa	141	19		0	1.283,1	2,4	1.280,7	ODT	
				10	18	189	22	361,1	361,1	-	HNK	
435	Nguyễn Thị Thủy	TDP Chùa	TDP Chùa	100	18	333	22	259,8	259,8	-	HNK	
				148	19	305	22	1.947,5	1.947,5	-	ODT	
436	Nguyễn Văn Đức	TDP Chùa	TDP Chùa	30	18	612	22	188,7	188,7	-	ODT	
437	Nguyễn Văn Hùng	TDP Chùa	TDP Chùa	24	18	244	22	228,8	228,8	-	LUK	
				32	18	256	22	214,9	214,9	-	CLN	
				33	18	256,257	22	605,5	605,5	-	ODT	
438	Nguyễn Văn Phong	TDP Chùa	TDP Chùa	3	18	186	22	60,0	60,0	-	HNK	
439	Nguyễn Văn Thiết	TDP Chùa	TDP Chùa	90	18	330	22	594,3	594,3	-	HNK	
440	Nguyễn Văn Việt	TDP Chùa	TDP Chùa	66	18	315	22	274,1	274,1	-	CLN	
441	Nhân Ngạch	TDP Chùa	TDP Chùa	48	18	235	22	213,2	213,2	-	LUK	
442	Phạm Khắc Toàn	TDP Chùa	TDP Chùa	8	18	185	22	327,4	327,4	-	CLN	
443	Phạm Văn Định	TDP Chùa	TDP Chùa	13	18	243	22	100,3	100,3	-	ODT	
				20	18	243	22	464,8	464,8	-	CLN	
444	QH quảng trường	TDP Chùa	TDP Chùa	209	11			54.517,5	-	54.517,5	DVH	
445	QH. KDC Nam Thái	TDP Chùa	TDP Chùa	75	18			3.853,4	-	3.853,4	ODT	
				4	18			200,0	0,6	199,4	ODT	
446	TĐC Nam Thái	TDP Chùa	TDP Chùa	6	18			200,0	-	200,0	ODT	
				7	18			200,0	-	200,0	ODT	
				9	18			200,0	-	200,0	ODT	
				11	18			256,4	-	256,4	ODT	
				182	19	343	22	1.279,5	70,4	1.209,1	ODT	
447	Trần Anh Tuấn	TDP Chùa	TDP Chùa	102	18	411	19	205,1	205,1	-	ODT	
448	Trần Hồng Đăng	TDP Chùa	TDP Chùa	50	18	262	22	400,6	400,6	-	HNK	
				87	18	311,312	22	644,4	644,4	-	LUC	
449	Trương Đình Dương	TDP Chùa	TDP Chùa	83	18	314	22	142,2	142,2	-	HNK	
				62	18	313	22	214,0	214,0	-	HNK	
450	Trương Mạnh Hải	TDP Chùa	TDP Chùa	56	18	263	22	606,8	606,8	-	HNK	
451	Trương Mạnh Hùng	TDP Chùa	TDP Chùa	28	18	241	22	237,2	237,2	-	HNK	
452	Vũ Thị Phẳng	TDP Chùa	TDP Chùa	37	18	254	22	238,1	238,1	-	LUK	
453	Kiếm	TDP Chùa	TDP Chùa	178	11		0	2,1	2,1	-	DGT	
				14	18		0	238,9	238,8	0,1	DTL	
				21	18		0	18,6	18,6	-	DTL	
				29	18		0	1.719,5	946,3	773,2	DGT	
				35	18		0	48,4	48,3	-	DTL	



				76	18		0	10.601,6	282,7	10.318,9	DGT	
				115	18		0	264,7	232,2	32,4	DTL	
				150	19		0	672,8	493,5	179,3	DGT	
455		TDP Chùa	TDP Chùa	12	18	242	22	287,2	287,2	-	HNK	
456		TDP Chùa	TDP Chùa	15	18	247	22	130,8	130,0	0,8	HNK	
457		TDP Chùa	TDP Chùa	17	18	242	22	133,1	133,1	-	HNK	
458		TDP Chùa	TDP Chùa	18	18	246	22	187,3	187,3	-	HNK	
459		TDP Chùa	TDP Chùa	19	18	239	22	517,6	517,6	-	HNK	
460		TDP Chùa	TDP Chùa	25	18	240	22	166,5	166,5	-	HNK	
461		TDP Chùa	TDP Chùa	26	18	246,254	22	324,8	324,8	-	HNK	
462		TDP Chùa	TDP Chùa	27	18	243,258	22	124,6	124,6	-	CLN	
463		TDP Chùa	TDP Chùa	34	18	247	22	83,3	82,1	1,2	HNK	
464		TDP Chùa	TDP Chùa	40	18	389	22	262,2	262,2	-	HNK	
465		TDP Chùa	TDP Chùa	45	18	253	22	156,2	155,7	0,5	HNK	
466		TDP Chùa	TDP Chùa	59	18	319	22	44,2	43,7	0,5	HNK	
467		TDP Chùa	TDP Chùa	61	18	389	22	183,3	183,3	-	HNK	
468		TDP Chùa	TDP Chùa	94	18	332	22	151,8	151,8	-	LUC	
469		TDP Chùa	TDP Chùa	97	18	328	22	149,8	149,8	-	HNK	
470		TDP Chùa	TDP Chùa	103	18	331	22	367,9	367,9	-	LUC	
471	Chu Thị Huyền	TDP Hạ	Phường Bãi Lữ	16	24	449	21	112,2	112,2	-	ODT	
472	Chu Mạnh Hùng	TDP Hạ	TDP Hạ	25	24	247	20	216,6	216,6	-	CLN	
		TDP Hạ	TDP Hạ	509	24	564	20	198,0	198,0	-	ODT	
		TDP Hạ	TDP Hạ	513	24	564	20	52,3	52,3	-	ODT	
473	Chu Mạnh Tiến	TDP Hạ	TDP Hạ	19	24	134a	21	184,1	184,1	-	ODT	
474	Chu Văn Lộc	TDP Hạ	TDP Hạ	39	24	244	20	149,2	149,2	-	ODT	
475	Hùng	TDP Hạ	TDP Hạ	352	17	53,55	21	207,0	207,0	-	LUC	
476	Nguyễn Quang Ngân	TDP Hạ	TDP Hạ	58	24	577	20	345,3	345,3	-	ODT	
477	UBND phường	TDP Hạ	TDP Hạ	20	24		0	23,9	21,9	2,0	DTL	
478	Nguyễn Văn Khái	TDP Đồi	TDP Đồi	410	17	180	20	367,1	367,1	-	LUC	
479	Tại	TDP Đồi	TDP Đồi	33	24	241	20	370,2	370,2	-	LUC	
480	Dương Thị Bình	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	397	18	494	19	602,1	602,1	-	LUC	
481	Dương Thị Tư	TDP Giữa 1	TDP Giữa 1	398	18	442,443	19	209,9	209,9	-	HNK	
482	Nguyễn Đức Đại			395	18	622	19	100,5	61,1	39,3	ODT	
480	Nguyễn Thị Hồng Nhung			393	18	604	19	100,8	34,8	66,0	ODT	
484	Nguyễn Thị Kim Hồng			399	18	395	22	412,0	412,0	-	LUC	
485	Nguyễn Thị Quỳnh			394	18	621	19	101,0	49,2	51,8	ODT	
486				106	19		0	30,4	30,4	-	HNK	
487				179	19	339	22	184,8	184,8	-	HNK	
488				205	19	342	22	346,2	37,8	308,4	HNK	
TỔNG CỘNG:								102.769,2	25.577,3	77.191,8		